TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM THỦY** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2018/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Thủy, ngày 01 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 158/2017/TLST/HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn Q

Địa chỉ: Thôn C, xã, huyện, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Trịnh Thị Nh

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 58, điều 81, điều 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn Q sinh năm 1985

Bị đơn: Chị Trịnh Thị Nh sinh năm 1992

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn Q và chị Trịnh Thị Nh.

- Về con cái**:** Vợ chồng thống nhất có một con chung Lê Việt A, sinh ngày 03/06/2014.

Công nhận sự thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa anh Q và chị Nh như sau: Giao cháu Việt A cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nh 01 (một) tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian thi hành kể từ tháng 02/2018 trở đi theo định kỳ hàng tháng. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Hai bên thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: áp dụng khoản 3, khoản 4 điều 147 - BLTTDS, điểm a khoản 1 điều 24, khoản 7 điều 26, điểm a khoản 5 điều 27, điểm b khoản 6 điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chị Nh phải chịu 75.000đ án phí DSST. Anh Q phải chịu 75.000đ án phí DSST và 150.000đ án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con. Anh Q nhận nộp cả phần án phí DSST cho chị Nh. Anh Q đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2014/0000672 ngày 14/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy được trừ vào tiền án phí DSST. Như vậy, anh Q đã nộp đủ án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Cẩm Thủy
- UBND xã C, huyện C.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Vũ Thị Ánh Tuyết